

DOI: 10.58490/ctump.2024i82.3202

## ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ SỰ HÀI LÒNG CỦA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY DỰA TRÊN CA LÂM SÀNG (CBL)

Trần Thái Thanh Tâm<sup>1</sup>, Lê Văn Minh<sup>1</sup>, Phạm Thị Mỹ Ngọc<sup>1</sup>, Nguyễn Thắng<sup>1</sup>, Nguyễn Nhật Duy<sup>1</sup>, Nguyễn Thúy Duy<sup>1</sup>, Trần Thị Lan<sup>2</sup>, Võ Văn Thi<sup>1\*</sup>

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2. Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

\*Email: vvthi@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 02/10/2024

Ngày phản biện: 22/12/2024

Ngày duyệt đăng: 25/12/2024

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Phương pháp giảng dạy dựa trên ca lâm sàng tập trung vào việc phát triển khả năng phân tích và giải quyết vấn đề của sinh viên và nhằm mục đích cải thiện việc sử dụng linh hoạt kiến thức và kỹ năng có liên quan của sinh viên để giải quyết vấn đề. Không chỉ giúp củng cố nền tảng kiến thức mà còn trang bị cho người học phát triển kỹ năng tự học và khả năng đối phó với những thách thức trong môi trường lâm sàng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Tìm hiểu trải nghiệm về quá trình học tập, gắn kết trên lớp và tư duy phản biện của sinh viên Y2 trong chương trình CBL. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu này được tiến hành trên 267 học sinh năm thứ 2 đang tham gia học phần Sinh lý học, chương Sinh lý Thận. **Kết quả:** Kết quả điểm kiểm tra sau khi áp dụng phương pháp CBL cho thấy có cải thiện kết quả học tập của sinh viên. Kết quả khảo sát cũng cho thấy hầu hết sinh viên phản hồi rất tích cực về phương pháp CBL về mặt hiểu trải nghiệm về quá trình học tập, gắn kết trên lớp và tư duy phản biện. **Kết luận:** Cần cải thiện và áp dụng CBL nhiều hơn ở chương trình đào tạo y khoa trong tương lai.

**Từ khóa:** CBL, Case-based learning – CBL, Phương pháp học dựa trên tình huống.

### ABSTRACT

## EVALUATING THE EFFECTIVENESS AND SATISFACTION OF CLINICAL CASE-BASED TEACHING METHOD (CBL)

Tran Thai Thanh Tam<sup>1</sup>, Le Van Minh<sup>1</sup>, Pham Thi My Ngoc<sup>1</sup>, Nguyen Thang<sup>1</sup>, Nguyen Nhat Duy<sup>1</sup>, Nguyen Thuy Duy<sup>1</sup>, Tran Thi Lan<sup>2</sup>, Vo Van Thi<sup>1\*</sup>

1. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

2. Hong Bang International University

**Background:** CBL focuses on developing students' analytical and problem-solving abilities and aims to improve students' flexible use of relevant knowledge and skills to solve problems. In addition to strengthening the knowledge base, it also equips learners to develop self-learning skills and the ability to cope with challenges in the clinical environment. **Objectives:** To understand the learning experience, classroom engagement and critical thinking of second-year students in the CBL program. **Materials and methods:** This study was conducted on 267 second-year students taking the Physiology course, Renal Physiology chapter. **Results:** The test scores after applying the CBL method showed an improvement in students' learning outcomes. The survey results also showed that most students responded very positively to the CBL method in terms of understanding the learning experience, classroom engagement and critical thinking. **Conclusions:** CBL needs to be improved and applied more in future medical training programs.

**Keywords:** CBL, Case-based learning – CBL, situational learning method.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương pháp dạy học dựa trên tình huống (Case-based learning - CBL) là một loại phương pháp giảng dạy trong đó sinh viên có thể chủ động suy nghĩ và thảo luận về kiến thức có liên quan đã học vào các tình huống điển hình với sự hướng dẫn của giáo viên. Những tình huống thực tế được đưa vào giảng dạy để sinh viên trải nghiệm, phân tích và đưa ra quyết định, từ đó phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy độc lập. Trong một thời đại mới yêu cầu đáp ứng với sự gia tăng không ngừng kiến thức CBL là một giải pháp linh hoạt, không chỉ giúp củng cố nền tảng kiến thức mà còn trang bị cho người học phát triển kỹ năng tự học và khả năng đối phó với những thách thức trong môi trường lâm sàng [1], [2].

Bản chất của phương pháp là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. CBL tập trung vào việc phát triển khả năng phân tích và giải quyết vấn đề của sinh viên và nhằm mục đích cải thiện việc sử dụng linh hoạt kiến thức và kỹ năng có liên quan của sinh viên để giải quyết vấn đề. So với phương pháp giảng dạy truyền thống, CBL mang tính thực tiễn cao hơn và thường mang lại hiệu quả giảng dạy tốt nhờ sự tham gia tích cực của sinh viên [1].

Các nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng học tập dựa trên tình huống không chỉ cải thiện hiệu suất học tập của sinh viên y và dược mà còn tăng cường khả năng phân tích tình huống thực tế. CBL không chỉ nâng cao điểm số học tập mà còn thúc đẩy khả năng thực hiện và phân tích các tình huống bệnh, mang lại lợi ích lớn cho sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên y khoa [2], [3]. Ngoài ra, CBL là một công cụ giảng dạy hiệu quả trong nhiều lĩnh vực y tế, kết nối lý thuyết với thực hành và có tác động tích cực từ việc học kiến thức đến cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh [2]. Một trong những vấn đề trọng tâm của cải cách đổi mới toàn diện giáo dục đại học của Việt Nam là đưa vào sử dụng những phương pháp học tập tiên bộ và phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo bậc đại học. Và giảng dạy – học tập theo phương pháp CBL hiện nay đã và đang được các trường đại học thuộc khối ngành khoa học sức khỏe như trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Hải Phòng, Thái Nguyên, Thái Bình áp dụng phương pháp này [4]. Vì vậy, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: Tìm hiểu trải nghiệm về quá trình học tập, gắn kết trên lớp và tư duy phản biện của sinh viên Y2 trong chương Sinh lý thận sử dụng phương pháp học tập dựa trên tình huống CBL, từ đó không ngừng nâng cao và cải thiện để hoàn thiện chương trình giảng dạy.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành trên 267 học sinh năm thứ 2 đang tham gia học phần Sinh lý học, chương Sinh lý Thận.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Nội dung nghiên cứu:** Nghiên cứu của chúng tôi đánh giá hiệu quả của phương pháp học CBL dựa trên khảo sát của sinh viên về kết quả học tập. Trong nghiên cứu này, phương pháp kết hợp dạy và học được tiến hành xen kẽ giữa các phương pháp truyền thống trước đây và phương pháp học mới chủ động hơn như CBL. Các câu hỏi và tình huống lâm sàng được ra để các sinh viên giải quyết.

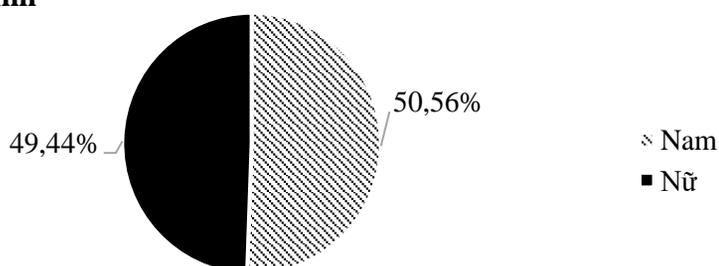
- Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi khảo sát ẩn danh để đánh giá tác động của CBL đến trải nghiệm học tập, khả năng gắn kết sinh viên, tư duy phản biện của các sinh viên. Các sinh viên tham gia khảo sát trả lời bảng các câu hỏi gồm 5 mức độ trả lời: rất hài lòng, hài lòng, tương đối, không hài lòng, rất không hài lòng. Thiết kế nghiên cứu can thiệp có so

sánh trước-sau (pre-test và post-test) để đánh giá hiệu quả của phương pháp Học dựa trên tình huống (Case-Based Learning - CBL). Trước khi áp dụng phương pháp CBL, người tham gia được kiểm tra bằng bài pre-test để đánh giá kiến thức nền tảng ban đầu. Sau khi thực hiện chương trình CBL, họ được kiểm tra lại bằng bài post-test để đánh giá mức độ cải thiện kiến thức.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

##### 3.1.1. Giới tính



Biểu đồ 1. Tỷ lệ giới tính (n=267)

Nhận xét: Trong số 267 sinh viên có 50,56% sinh viên là nam (135/267) và 49,44% sinh viên là nữ (132/267). Tỷ lệ giữa nam và nữ là gần bằng nhau.

##### 3.1.2. Tham gia vào chương trình CBL



Biểu đồ 2. Tỷ lệ sinh viên tham gia vào chương trình CBL (n=267)

Nhận xét: Trong tổng số 267 sinh viên tham gia học phần Sinh Lý chương Sinh Lý Thận có 96% sinh viên (n=255) đồng ý tham gia vào chương trình CBL và có 4% sinh viên (n=12) không đồng ý tham gia.

#### 3.2. Kết quả can thiệp bằng phương pháp học CBL

Bảng 1. Điểm kiểm tra Pre-test và Post-test khi áp dụng phương pháp CBL (n=255)

	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	P
Trước	2,00	10,00	6,25	±1,47	<0.001
Sau	4,00	10,00	7,06	±1,40	

Nhận xét: Bài Pre-test có điểm cao nhất là 10 điểm, điểm kiểm tra nhỏ nhất là 2 điểm, với điểm trung bình là 6,25. Điểm Post-test sau khi áp dụng chương trình CBL có điểm trung bình là 7,06 với điểm thấp nhất là 4 điểm và cao nhất là 10 điểm.

### 3.3. Khảo sát thái độ sinh viên về chương trình áp dụng phương pháp CBL

#### 3.3.1. Mức độ trải nghiệm học tập với phương pháp CBL

Bảng 2. Mức độ trải nghiệm học tập với phương pháp CBL(n=255)

Đánh giá	Mức độ (%)				
	Rất hài lòng	Hài lòng	Trung lập	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Đánh giá sự đa dạng của các câu hỏi được sử dụng trong chương sinh lý thận	53,3	38	8,6	0,1	0
Đánh giá mức độ rõ ràng của các mục tiêu học tập	47,5	39,2	13,3	0	0
Sự cải thiện học tập nhờ vào phương pháp học ca lâm sàng	43,9	43,5	12,2	0,4	0
Sự lồng ghép hiệu quả giữa kiến thức lý thuyết và ứng dụng lâm sàng	51,8	40,4	7,8	0	0

Nhận xét:

- Hầu hết sinh viên (91,3%) cảm thấy hài lòng về mức độ đa dạng của các câu hỏi. Có 8,6% sinh viên trung lập về ý kiến và 0,1% sinh viên cảm thấy chưa hài lòng.

- Hầu hết sinh viên (86,7%) hiểu rõ về mục tiêu học tập được cung cấp trước buổi học. Còn lại có 13,3% sinh viên trung lập về ý kiến.

- Hầu hết sinh viên (87,4%) cho rằng áp dụng phương pháp CBL đã nâng cao sự hiểu biết về sinh lý học. Có 12,2% sinh viên trung lập về ý kiến. Vẫn còn 0,4% sinh viên vẫn chưa hài lòng với kết quả.

- Hầu hết sinh viên (92,2%) đồng ý rằng phương pháp học mới có sự lồng ghép hiệu quả giữa kiến thức lý thuyết và ứng dụng lâm sàng. Có 7,8% còn lại cho ý kiến trung lập.

#### 3.3.2. Giá trị tham gia và gắn kết của sinh viên trong quá trình áp dụng CBL

Bảng 3. Giá trị tham gia và gắn kết của sinh viên trong quá trình áp dụng CBL(n=255)

Đánh giá	Mức độ (%)				
	Rất hài lòng	Hài lòng	Trung lập	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Mức độ tham gia vào quá trình thảo luận ca lâm sàng và giải quyết vấn đề trên lớp	36,9	44,7	17,6	0,8	0
Đánh giá hiệu quả làm việc nhóm nhằm nâng cao sự tham gia và phối hợp giữa các sinh viên	33,3	45,1	21,2	0,4	0
Cơ hội tự học và tìm hiểu thêm kiến thức sau bài học trên lớp	36,9	51	11	1,1	0
Sự gắn kết và liên hệ với các kiến thức y khoa đã học	43,9	47,5	8,2	0,4	0

Nhận xét:

- Hầu hết sinh viên (81,6%) hài lòng với mức độ tham gia của bản thân vào chương trình CBL. Có 17,6% sinh viên giữ ý kiến trung lập, còn lại 0,8% sinh viên cho rằng bản thân chưa gắn kết nhiều trong quá trình học.

- Phần lớn sinh viên (78,4%) hài lòng với sự phối hợp của sinh viên và hiệu quả làm việc nhóm khi tham gia CBL. Có 21,2% sinh viên trung lập về ý kiến và có 0,4% sinh viên cho rằng khả năng phối hợp và làm việc nhóm trong CBL là chưa cao.

- Hầu hết sinh viên (87,9%) cho rằng CBL cung cấp nhiều cơ hội tự học và tìm hiểu thêm kiến thức sau buổi học CBL. Bên cạnh đó có 11% sinh viên trung lập trong khi còn 1,1% thì ngược lại cho rằng vẫn chưa có nhiều cơ hội cho họ.

- Hầu hết sinh viên (91,4%) cho rằng CBL cung cấp nhiều cơ hội gắn kết và liên hệ với các kiến thức y khoa đã học. Có 8,2% sinh viên giữ trung lập và còn 0,4% thì cho rằng CBL chưa tạo nhiều cơ hội.

### 3.3.3. Ảnh hưởng của CBL đến tư duy phản biện

Bảng 4. Ảnh hưởng của CBL đến tư duy phản biện (n=255)

Đánh giá	Mức độ				
	Rất hài lòng	Hài lòng	Trung lập	Không hài lòng	Rất không hài lòng
Hiệu quả khuyến khích tư duy phản biện trong quá trình học sinh lý học	36,9	44,7	17,6	0,8	0
Hiệu quả trong việc nâng cao kỹ năng phân tích và khả năng giải quyết vấn đề	33,3	45,1	21,2	0,4	0
Áp dụng các kỹ năng tư duy phản biện vào các tình huống lâm sàng thực tế	36,9	51	11	1,1	0
Sự gắn kết và liên hệ với các kiến thức y khoa đã học	43,9	47,5	8,2	0,4	0

Nhận xét:

- Hầu hết sinh viên trong nhóm được khảo sát hài lòng về việc CBL khuyến khích tư duy phản biện về các quá trình sinh lý (87,5%). Có 11,8% sinh viên trung lập về ý kiến và có 0,7% sinh viên cho rằng CBL không khuyến khích tư duy phản biện.

- Có 88,3% sinh viên cảm thấy hài lòng về hiệu quả trong kỹ thuật và giải quyết vấn đề. Còn lại có 11% sinh viên trung lập về ý kiến và 0,7% sinh viên cho rằng CBL chưa hiệu quả trong việc nâng cao kỹ năng phân tích và khả năng giải quyết vấn đề.

- Đa số sinh viên (85,9%) đồng ý về việc CBL giúp chuẩn bị đầy đủ kiến thức để áp dụng các kỹ năng tư duy phản biện vào các tình huống lâm sàng thực tế.

- Hầu hết 87,1% sinh viên trong nhóm được khảo sát hài lòng về việc CBL góp phần nâng cao khả năng tư duy phản biện. Còn lại 12,9% sinh viên thì trung lập về ý kiến.

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Tất cả sinh viên tham gia vào nghiên cứu đều là sinh viên năm hai đang tham gia học phần Sinh Lý chương Sinh lý Thận. Tỷ lệ giữa nam và nữ trong nghiên cứu là gần bằng nhau. Trong tổng số 267 sinh viên thì có đến 255 sinh viên đồng ý tham gia vào CBL. Cho thấy chương trình bước đầu đã thu hút được các sinh viên, sự ủng hộ này cho thấy các sinh viên luôn không ngừng học hỏi thêm những phương pháp mà đồng thời họ cũng đang cần có một phương pháp học hiệu quả.

### 4.2. Kết quả can thiệp bằng phương pháp học CBL

Bài kiểm tra đầu vào Pre-test cho thấy điểm cao nhất ghi nhận là 10 nhưng điểm kiểm tra nhỏ nhất là 2 điểm, với điểm trung bình là 6,25. Sau khi áp dụng chương trình CBL thì điểm tra Post-test có điểm trung bình đã tăng lên 7,06 với điểm thấp nhất tăng lên 4 điểm và cao nhất là 10 điểm. Cho thấy áp dụng chương trình CBL đã cải thiện kết quả học tập

của sinh viên tham gia. Nghiên cứu quốc tế của Yaroslav (2023) cũng cho thấy CBL cải thiện kết quả học tập sinh viên [3].

### **4.3. Khảo sát thái độ sinh viên về chương trình áp dụng phương pháp CBL**

#### **4.3.1. Mức độ trải nghiệm học tập với phương pháp CBL**

Chương trình CBL (Case-Based Learning) có thể gặp nhiều thách thức trong việc thiết kế các câu hỏi ca lâm sàng đầy thử thách và hứng thú. Nghiên cứu cho thấy 91,3% sinh viên hài lòng với sự đa dạng của các câu hỏi. Mục tiêu học tập được cung cấp trước buổi học cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm. Có 86,7% sinh viên hiểu rõ về mục tiêu học tập, trong khi 13,3% còn lại trung lập.

Việc xây dựng chương trình học với hệ thống câu hỏi đầy đủ về kiến thức, sự đa dạng và mục tiêu rõ ràng giúp sinh viên phát triển nền tảng kiến thức và tư duy. So với nghiên cứu của Hassoulas (2017), việc tích hợp đa dạng tài liệu và câu hỏi đã tạo ra sự hiểu biết vững về chuyên ngành, tác động tích cực đến sự quan tâm nghề nghiệp của sinh viên [5].

Hầu hết sinh viên (87,4%) cho rằng CBL nâng cao hiểu biết về sinh lý học, chỉ 0,4% cảm thấy chưa hài lòng. Nghiên cứu của Yaroslav (2023) cho thấy học dựa trên tình huống cải thiện kết quả học tập và khả năng xử lý tình huống thực tế [3]. Theo Faiez (2022), 60% học sinh đồng ý rằng CBL giúp hiểu bài sâu sắc hơn [6].

Ngoài ra, 92,2% sinh viên đồng ý rằng phương pháp này lồng ghép hiệu quả giữa lý thuyết và ứng dụng lâm sàng. Nghiên cứu của Mahima Lall (2021) ghi nhận sự thay đổi tích cực trong quan điểm từ lý thuyết sang ứng dụng lâm sàng [7]. Tương tự, Minghong Bi (2019) cho rằng CBL thúc đẩy ứng dụng và giải quyết vấn đề, cùng với cơ hội phản hồi và thảo luận hơn so với phương pháp giảng dạy truyền thống [1].

#### **4.3.2. Sự gắn kết sinh viên trong quá trình áp dụng CBL**

Kết quả nghiên cứu cho thấy 81,6% sinh viên hài lòng với mức độ tham gia vào chương trình CBL, trong khi 17,6% trung lập và 0,8% không gắn kết với quá trình học. Nghiên cứu của Faiez (2022) cho biết 73% sinh viên đồng ý rằng CBL cải thiện trải nghiệm học tập của họ, cho thấy phản ứng tích cực đối với phương pháp này [6]. Tương tự, Minghong Bi (2019) nhận định sinh viên tham gia tích cực hơn trong CBL so với phương pháp giảng dạy truyền thống có vẻ thụ động hơn [1]. Yuan F (2021) cũng ghi nhận sự hào hứng của sinh viên được kích hoạt đáng kể, góp phần vào việc học lý thuyết và khả năng tư duy chẩn đoán lâm sàng [8].

Ngoài ra, 78,4% sinh viên hài lòng với sự phối hợp và hiệu quả làm việc nhóm trong CBL; 21,2% trung lập và 0,4% cho rằng khả năng làm việc nhóm chưa cao. Nghiên cứu của Yuan F (2021) cho thấy CBL và học tập theo nhóm (TBL) nâng cao khả năng biện luận lâm sàng, tự học và ý thức làm việc nhóm [8].

Hơn nữa, 87,9% sinh viên cảm thấy CBL cung cấp nhiều cơ hội tự học, và 91,4% đồng ý rằng CBL liên kết với kiến thức y khoa đã học. Yuan F (2021) cho rằng các tình huống lâm sàng cung cấp tài liệu thực hành cho sinh viên, thúc đẩy sáng kiến và khả năng phân tích, đồng thời phát triển động lực và hiệu quả học tập tự chủ của họ [8]. Fanghui Wu (2023) cũng ghi nhận rằng CBL nâng cao khả năng tự học và khơi dậy hứng thú học tập [9].

#### **4.3.3. Ảnh hưởng của CBL đến tư duy phản biện**

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy hầu hết sinh viên (87,5%) hài lòng với việc CBL khuyến khích tư duy phản biện về các quá trình sinh lý. Cụ thể, 88,3% sinh viên cảm thấy CBL nâng cao kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, 85,9% sinh viên cho rằng CBL chuẩn

bị đầy đủ kiến thức để áp dụng tư duy phản biện vào tình huống lâm sàng, và 87,1% sinh viên đồng ý rằng CBL cải thiện khả năng tư duy phản biện.

Nhiều nghiên cứu quốc tế cũng ghi nhận tác động tích cực của CBL trong việc phát triển tư duy phản biện, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học sức khỏe. Nghiên cứu của Faiez Alani (2022) cho thấy 64% sinh viên đồng ý rằng CBL cải thiện tư duy phản biện (29% hoàn toàn đồng ý và 35% đồng ý), với 23% trung lập [6]. Minghong Bi (2019) cho biết CBL rất hữu ích trong việc cải thiện tư duy lâm sàng và khả năng phân tích, với sinh viên tham gia CBL có khả năng tư duy cao hơn so với sinh viên học theo phương pháp truyền thống. Những phát hiện này khẳng định CBL là một chiến lược học tập hiệu quả cho sinh viên y khoa và phát triển chuyên môn [1].

#### **4.4. Một vài ưu điểm và nhược điểm của CBL**

##### **4.4.1. Ưu điểm của CBL**

Những lợi ích quan trọng của CBL trong ứng dụng lý thuyết và lâm sàng đã được nhiều nghiên cứu ghi nhận. Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận khảo sát từ các sinh viên cho thấy phản hồi tích cực của sinh viên về các ưu điểm đối với chương trình học tình huống CBL. Kết quả cho thấy sinh viên đồng ý rằng CBL là một phương pháp học rất hấp dẫn và thực tế: cung cấp cho sinh viên một góc nhìn thực tế, bao quát và cụ thể hơn. Sinh viên có thể liên tưởng và ứng dụng lý thuyết vào lâm sàng với các tình huống lâm sàng đáp ứng đầy đủ về mặt kiến thức và tư duy. CBL giúp sinh viên hiểu bài sâu sắc hơn, cách học dễ tiếp thu, thú vị hơn và rèn luyện tính tự học và tìm tòi. Sự đáp ứng về mặt thực tiễn và tính ứng dụng giúp sinh viên có nền tảng kiến thức trước khi bước vào các học phần lâm sàng.

##### **4.4.2. Nhược điểm và vài điều cần cải thiện**

Nghiên cứu chúng tôi ghi nhận sinh viên cảm thấy cần đa dạng hơn về số lượng và chất lượng của các ca lâm sàng, ở mỗi ca lâm sàng nên có giải thích rõ ràng và chi tiết hơn là chỉ đưa ra gợi ý. Cần có các ca lâm sàng, tình huống chuẩn và phù hợp với cả lý thuyết lẫn lâm sàng và nên xây dựng chương trình học đi từ các ca lâm sàng từ dễ đến khó. Một số sinh viên ý kiến rằng nên để sinh viên chủ động và có nhiều quyền hạn trong việc tham gia điều khiển lớp học. Ngoài ra ứng dụng chương trình CBL vẫn còn gặp một vài khó khăn và thách thức: Sinh viên không có thói quen xem bài trước; khó kiểm tra, quan sát và đánh giá trên số lượng lớn sinh viên; thiếu nhiều giảng viên có kinh nghiệm dạy học chương trình CBL và lượng công việc nhiều đòi hỏi giảng viên giỏi và có kinh nghiệm. Sự thiếu hụt về cơ sở vật chất dẫn đến thiếu nhiều công cụ cung cấp tài liệu trực quan như video, hình ảnh.

## **V. KẾT LUẬN**

Phương pháp học tập dựa trên tình huống CBL đã cho thấy nhiều lợi thế hơn so với phương pháp học tập truyền thống. CBL làm tăng trải nghiệm học tập của sinh viên, giúp sinh viên cảm thấy hứng thú, phấn khởi hơn trong quá trình học. Kiến thức nền tảng được củng cố và lòng ghép hiệu ứng dụng lâm sàng sẽ là kỹ năng quan trọng giúp sinh viên học tập tốt hơn trong quá trình lâm sàng. Ngoài ra trải nghiệm phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tự học và tư duy phản biện sẽ giúp sinh viên tiếp cận với nhiều phương pháp học hiệu quả hơn trong thời đại mới. Vì vậy cần đẩy mạnh phát triển và cải thiện chương trình CBL hơn trong tương lai để có thể áp dụng lâu dài và hiệu quả.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M Bi, Z Zhao, J Yang, Y Wang. Comparison of case-based learning and traditional method in teaching postgraduate students of medical oncology. *Medical teacher*. 2019. 41(10), 1124-1128, <https://doi.org/10.1080/0142159X.2019.1617414>.
  2. Lê Văn Minh, Lê Thị Gái, Nguyễn Thị Bé Hai, Nguyễn Văn Thống. Giảng dạy theo phương pháp học tập dựa trên tình huống (Case Based Learning - CBL) trong đào tạo sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2023. (69), 251-264, doi:10.58490/ctump.2023i69.2220.
  3. Tsekhmister Yaroslav. Effectiveness of case-based learning in medical and pharmacy education: A meta-analysis. *Electronic Journal of General Medicine*. 2023. 20(5), <https://doi.org/10.29333/ejgm/13315>.
  4. Chính phủ. Nghị quyết về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020. 2005. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Nghi-quyet-14-2005-NQ-CP-doi-moi-co-ban-va-toan-dien-giao-duc-dai-hoc-Viet-Nam-giai-doan-2006-2020-5013.aspx>.
  5. Hassoulas A., Forty E., Hoskins M., Walters J., Riley S. A case-based medical curriculum for the 21st century: The use of innovative approaches in designing and developing a case on mental health. *Med Teach*. 2017. 39(5), 505-511, <https://doi.org/10.1080/0142159X.2017.1296564>.
  6. Alani, Faiez. Development of case-based learning (CBL) in engineering technology education. *International Journal of Engineering Education*. 2020. 36(3), 896-900,
  7. Lall M., Datta K. A pilot study on case-based learning (CBL) in medical microbiology; students perspective. *Medical Journal Armed Forces India*. 2021. 7(Suppl 1), S215-S219, <https://doi.org/10.1016/j.mjafi.2021.01.005>.
  8. Yuan F, Lijie L, Lihong N, Min X, Qian L and et al. Application of the Hybrid CBL+TBL Method in Internal Medicine Teaching Practice of TCM Universities. *International Journal of Chinese Medicine*. 2021. 5(3), 48-52. <https://doi.org/10.11648/j.ijcm.20210503.12>.
  9. Wu F., Wang T., Yin D., Xu X., Jin C. and et al. Application of case-based learning in psychology teaching: a meta-analysis. *BMC Medical Education*. 2023. 23(1), 609, <https://doi.org/10.1186/s12909-023-04525-5>.
-